QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢNG THỐNG KÊ HẠNG MỤC XÂY DỰNG

TT	Hạng mục	Diện tích đất (m2)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao	MBXD (%)
1	Khối chính - phía trái (HC-PT1)	4,512	6,74	1-2	50-60
2	Khối chính - phía trái 2 (HC-PT2)	2,500	3,73	1-2	50-60
3	Nhà phụ			1	
4	Nhà			1	
5	Trạm cổng chính			1	
6	Nhà vệ sinh			1	
7	Nhà			1	
8	Nhà bảo vệ			1	
9	Khối chính - phía giữa (hc-pt3)			1	
10	Nhà bảo vệ			1	
11	Khối chính - Phía trái 2 (HC-PT2)	2,555			50-60
12	Nhà xưởng	10,000			50-60
13	Khối xử phụ - phân loại chất thải nguy hại (NHR)	8,714	0,49		70-80
14	Nhà vệ sinh			1	
15	Nhà phân loại, tái chế chất thải				
16	Khối xử lý chất thải rắn (NHR1)	3,746	3,65	1-2	70-80
17	Không xử lý mùi, ánh				
18	Scrubbe - Tháp xử lý				
19	Tháp quạt				
20	Khối chế biến chất thải (TCKL)	5,224	5,09	1-2	80-90
21	Khối xử lý phân - đóng mùi ẩm				
22	Khối phân tích, kho	5,212	5,08	1-2	80-90
23	Khối xử lý				
24	Khối chế biến hoạt (TCKL)	7,125	7,84	1-2	70-80
25	Nhà vệ sinh khối hoạt				
26	Ống xả từ xử lý khí hoạt loại 2 (ống xả hoạt)				
27	Scrubbe (hc-hoạt)	12,421	12,21		
28	Tháp quạt				
29	Khối chế biến chất nguy hại - nhựa (NHR)	9,503	9,26	1-2	40-60
30	Nhà vệ sinh khối nhựa				
31	Ống xả khí thải hoạt động				
32	Scrubbe (hc-nhựa)				
33	Tháp quạt				
34	Cây xanh	27,906,5	27,2		
35	Đường	15,718	15,87		
36	Vỉa hè	12,098	11,74		
37	Cổng	1,000	0,97		
38	Tổng	18,747,5	18,26		
39	Tổng	102,600	100,00		

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

Điểm	X (m)	Y (m)	Cạnh (m)	Góc (độ)
1	1108869.192	429847.745	50.01 m	90(o) 00(p)
2	1108869.192	429897.745	50.01 m	90(o) 00(p)
3	1108819.192	429897.745	50.01 m	90(o) 00(p)
4	1108819.192	429847.745	50.01 m	90(o) 00(p)

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

STT	Loại đất	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
1	Khu điều hành - phân loại (HC-PT)	6,912,0	6,74
2	Điều hành phân loại - tái chế - xử lý	52,940,0	50,72
2.1	Khu chiếu, tiếp nhận - phân loại chất thải (TNPL)	8,714,0	
2.2	Khu xử lý chất hoạt (TCKL)	7,125,0	
2.3	Khu tái chế (KLD)	5,224,0	
2.4	Khu xử lý chất thải trung (TCCL)	5,224,0	
2.5	Khu nhiên liệu phân xa (NTL)	23,452,0	
2.6	Khu xử lý chất thải nguy hại - chôn lấp cân (NHR)	9,503,0	
2.7	Khu xử lý nước thải (XLNT)	7,746,0	
3	Đất giao thông - sân bãi	15,743,5	15,34
4	Đất cây xanh mặt nước	27,906,5	27,2
4.1	Cây xanh cách ly	15,258,5	
4.2	Cây xanh - thảm cỏ	12,648,0	
4.3	Hồ nước (NH)	600,0	
	Tổng cộng	**102,600**	**100,00**

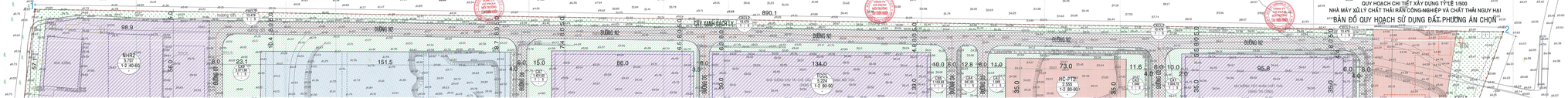

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT-PHƯƠNG ÁN CHỌN

GHI CHÚ
- ĐẤT KHU NHÀ XƯỞNG
- ĐẤT KHU ĐIỀU HÀNH, PHỤ TRỢ
- ĐẤT KHU CHÔN LẤP
- ĐẤT KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- ĐẤT GIAO THÔNG
- ĐẤT CÂY XANH
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- RANH QUY HOẠCH

CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI		
TỔNG GIÁM ĐỐC	NGUYỄN THÀNH TRUNG	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN THÀNH TRUNG
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN	NGUYỄN THÀNH TRUNG	CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN THÀNH TRUNG
CHỦ NHIỆM KT	NGUYỄN THÀNH TRUNG	CHỦ NHIỆM KHOA	NGUYỄN THÀNH TRUNG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN THÀNH TRUNG		
CHỦ TRÌ KT	NGUYỄN THÀNH TRUNG		
CHỦ TRÌ KHOA	NGUYỄN THÀNH TRUNG		

LIÊN HỢP CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
Số 1 Đường Phan Chu Trinh, Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Tel: 0251.3822.822 - Fax: 0251.3822.822
Email: tvxdmt@gmail.com

GIÁM ĐỐC	NGUYỄN THÀNH TRUNG	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN THÀNH TRUNG
CHỦ TRÌ KT	NGUYỄN THÀNH TRUNG	CHỦ TRÌ KHOA	NGUYỄN THÀNH TRUNG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

GIÁM ĐỐC	NGUYỄN THÀNH TRUNG	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN THÀNH TRUNG
CHỦ TRÌ KT	NGUYỄN THÀNH TRUNG	CHỦ TRÌ KHOA	NGUYỄN THÀNH TRUNG

CHỦ TỊCH HĐQT
Hồ Văn Hà

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT-PHƯƠNG ÁN CHỌN

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT-PHƯƠNG ÁN CHỌN